



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

# MARKET INSIGHTS REPORTS

26.03.2024

THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH TỐT HƠN KỲ  
VỌNG CỦA CHÚNG TÔI CHO THẤY SỨC  
MẠNH SÓNG CHU KỲ LÀ RẤT LỚN



# NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

*Sóng đẩy giá mới sẽ xuất hiện ?*

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

*Lãi suất trái phiếu từ âm chuyển sang dương;*

*Bộ Tài Chính Mỹ chủ yếu phát hành nợ ngắn hạn trong giai đoạn qua;*

10 TTCK MỸ

*Dự báo các chỉ số chính sẽ đóng cửa tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	542
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	342
Số cổ phiếu giảm giá	139
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	61

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	234
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	111
Số cổ phiếu giảm giá	55
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	68

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	165
Số cổ phiếu giảm giá	126
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	83

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	58,987.38	67,694.68	(8,707.30)
% KL toàn thị trường	6.26%	7.19%	
Giá trị	1,810,594	1,986,098	(175,504)
% GT toàn thị trường	8.27%	9.07%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,787.70	5,085.64	(3,297.94)
% KL toàn thị trường	6.26%	7.19%	
Giá trị	54,293	130,465	(76,172)
% GT toàn thị trường	3.10%	7.44%	

### UPCOM

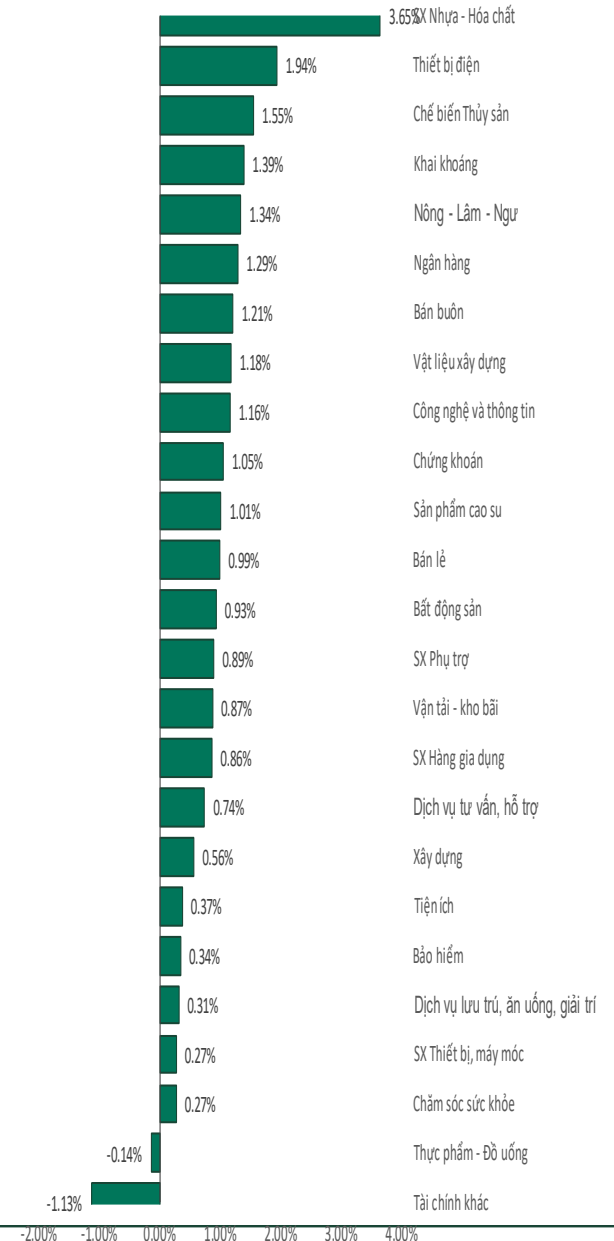
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,643.13	669.69	1,973.44
% KL toàn thị trường	7.63%	1.93%	
Giá trị	54,779	18,321	36,457
% GT toàn thị trường	10.87%	3.64%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

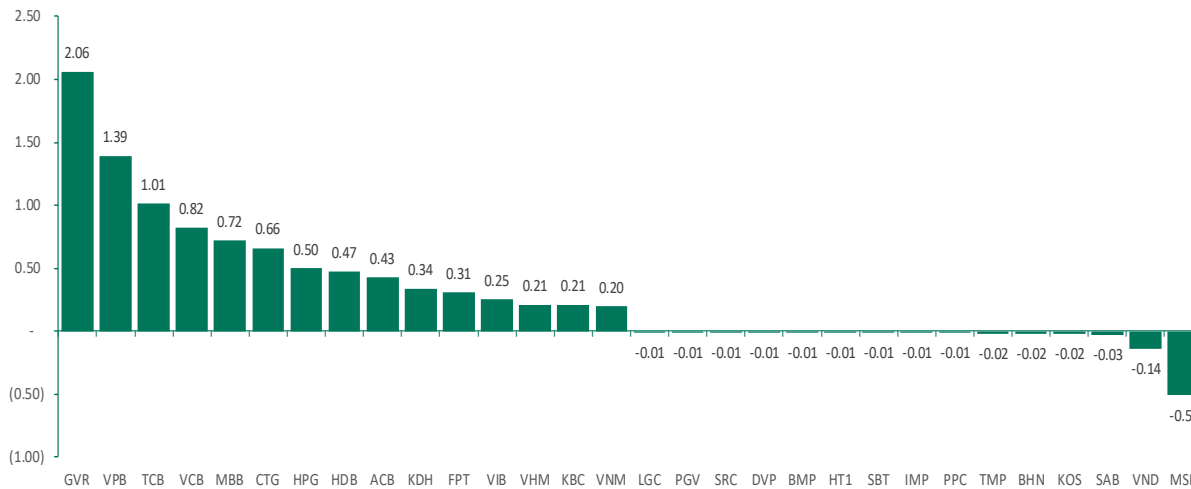
## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	735,400	96,300	600 (0.63%)	16.29	3.19	5,910	538,229
2	BID	1,409,500	53,000	0 (0%)	16.96	2.46	3,125	302,123
3	CTG	3,801,300	35,200	500 (1.44%)	10.08	1.48	3,491	189,024
4	VHM	4,263,700	42,750	200 (0.47%)	5.58	1.02	7,664	186,149
5	GAS	596,500	80,700	300 (0.37%)	16.23	2.84	4,972	185,347
6	VIC	3,479,000	47,050	200 (0.43%)	84.77	1.22	555	179,903
7	HPG	11,976,300	30,550	350 (1.16%)	21.04	1.73	1,452	177,642
8	TCB	7,755,900	45,950	1,150 (2.57%)	8.03	1.23	5,725	161,859
9	VPB	37,172,800	19,600	700 (3.7%)	13.56	1.11	1,445	155,505
10	FPT	1,693,300	115,000	1,000 (0.88%)	24.67	4.88	4,661	146,046

## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 14.35 điểm (+1.13%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Sản xuất nhựa hóa chất, thiết bị điện, chế biến thủy sản, khai khoáng, nông lâm ngư, ngân hàng, bán buôn, vật liệu xây dựng, công nghệ thông tin ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như GVR, DGC, DPM, DPR, GEX, VHC, ASM, IDI, CMX, PVD, PVS, KSB, HAG, VCB, CTG, TCB, VIB, LPB, HPG, VGC, HSG, NKG, VCS, FPT, CTR ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) GVR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 điều chỉnh giảm giá với hỗ trợ cứng quanh vùng 29 nếu có điều chỉnh sâu. Tuy nhiên, có vẻ GVR vận động theo mô hình lá cờ và với phiên tăng giá hôm nay, GVR có thể đã bước vào sóng 5 tăng giá;
- ✓ Sóng 5 tăng giá có mục tiêu từ 40 – 46;
- ✓ Giá cao su tự nhiên tăng giá mạnh, cùng với động lực tăng trưởng tới từ các KCN và kế hoạch thoái vốn một số công ty con, công ty liên kết là động lực tăng giá của GVR;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

#### (ii) DPR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Chúng tôi ước tính năm 2024, lợi nhuận ròng DPR đạt mức xấp xỉ 400 tỷ và EPS<sup>2024</sup> = 4,600 VNĐ và giá mục tiêu hợp lý là 46;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 48;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

#### (iii) ASM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 13 – 15;
- ✓ Thông tin hỗ trợ cho đà tăng giá là ASM chuẩn bị mở bán dự án Lam Sơn Sao Vàng tại Thanh Hóa;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

#### (iv) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ RSI(14) thiết lập mốc cao mới gợi ý khả năng giá tiếp tục tiến lên;
- ✓ Cổ phiếu kết thúc 5 sóng giảm và hình thành sóng tăng giá mới – Nhà đầu tư nên mua vào;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

#### (v) CTR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu là 146 – 157;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

#### (v) LPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Bullish Harami”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình vai đầu vai nhỏ cảnh báo sự đảo chiều với kháng cự 17,2 là Confirmation Line;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

**(2) Tài chính khác, thực phẩm đồ uống... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, TVC, MSN, SAB... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

#### (i) MSN giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 4 giảm giá với mục tiêu từ 71 – 74;
- ✓ Hỗ trợ động MA(200) tương ứng với vùng giá 72 cũng là một điểm hỗ trợ tiềm năng theo mô hình PullBack Retest;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 61%;

#### (ii) SAB giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 giảm giá và mô hình vận động sóng 5 giảm giá cũng có dạng 12345 – Tín hiệu giảm giá sắp đi tới hồi kết;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại quanh vùng giá 56;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 72%;

# PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Sóng đẩy giá mới sẽ xuất hiện ?

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Closing Price Reversal, Down Trend”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng. Tuy nhiên, chúng ta nên đặt trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư hôm nay vẫn hoang mang với sự cố ngắt kết nối của VND một công ty chiếm tới 7% thị phần giao dịch để thấy rằng phiên tăng giá hôm nay vẫn được cho là tích cực;

Các điểm cần lưu ý:

(i) Nguyên tắc nhận dạng của mô hình hôm nay là:

- ✓ Mẫu này bao gồm một thanh, nhưng nó sử dụng giá đóng cửa của thanh trước đó.
- ✓ Mẫu này bao gồm một thanh, nhưng nó sử dụng giá đóng cửa của thanh trước đó.
- ✓ Mẫu này bao gồm một thanh, nhưng nó sử dụng giá đóng cửa của thanh trước đó.
- ✓ Giá đóng cửa phải nằm trong khoảng 25% mức cao nhất trong ngày và cao hơn giá đóng cửa của ngày hôm trước.

(ii) Mẹo giao dịch của mẫu hình này:

- ✓ Mô hình này được cho là hoạt động như một sự đảo ngược của xu hướng giảm.
- ✓ Mua vào lúc mở cửa ngày hôm sau sau mô hình.
- ✓ Việc đảo ngược giá đóng cửa đáp ứng quy tắc đo lường 72% thời gian (thị trường tăng giá). Nghĩa là đo chiều cao của mô hình và thêm nó vào mức giá cao để có được mục tiêu đi lên.
- ✓ Chỉ số thường tăng trung bình từ 7% – 9%;

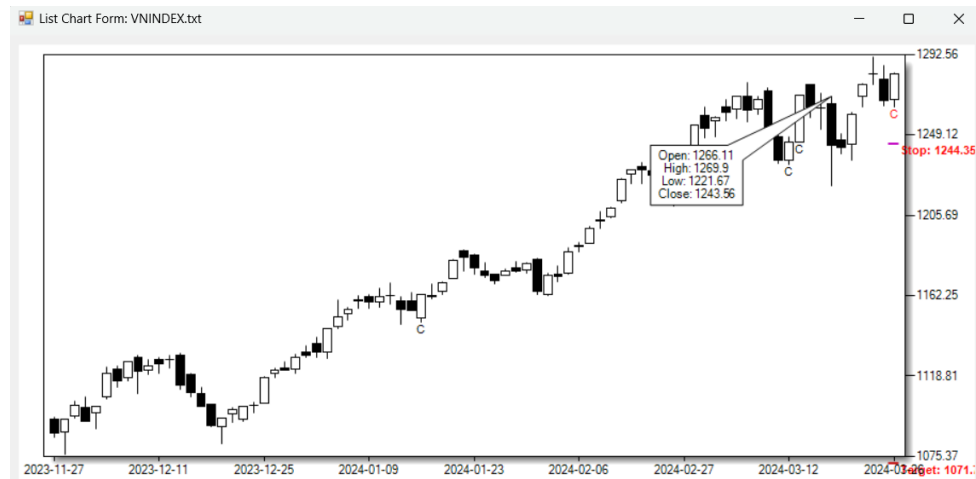
(iii) Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng và chúng tôi thấy họ mua vào ETFVN30 – Xác suất đẩy giá tiếp là cao và có thể ngày mai họ sẽ chuyển dần sang trạng thái mua ròng.

(iv) Chúng tôi thấy dòng tiền lan sang một số cổ phiếu nhỏ có tính đầu cơ cao như BCG... và độ rộng phá đỉnh vẫn tiếp tục tăng với DPR...

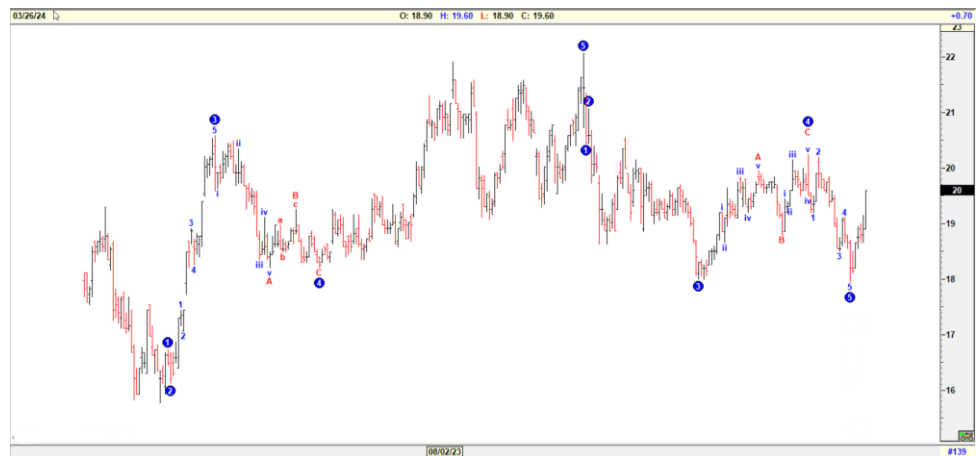
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 04 mã cho tín hiệu bán, 14 mã cho tín hiệu đi ngang. HPG, VPB, SHB, STB, VIC... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 72% và 42.85% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu VPB – 5 sóng giảm giá đã kết thúc





## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	526.77	523.73	529.8	NO	538.91	544.99	557.13	563.21	520.69	508.55	502.47	490.33
HNXINDEX	240.73	240.08	241.38	NO	243.33	244.62	247.22	248.51	239.44	236.84	235.55	232.95
UPIINDEX	91.11	91.07	91.16	YES	91.32	91.43	91.64	91.75	91	90.79	90.68	90.47
VN30	1280.3	1277.34	1283.27	NO	1293.82	1301.4	1314.92	1322.5	1272.72	1259.2	1251.62	1238.1
VNXALL	2067.17	2061.5	2072.85	NO	2089.87	2101.21	2123.91	2135.25	2055.83	2033.13	2021.79	1999.09
VNINDEX	1276.38	1273.46	1279.29	NO	1288.33	1294.46	1306.41	1312.54	1270.25	1258.3	1252.17	1240.22
VN30F2M	1282.3	1279.25	1285.35	NO	1297	1305.6	1320.3	1328.9	1273.7	1259	1250.4	1235.7
VN30FIQ	1283.77	1280.75	1286.78	NO	1296.93	1304.07	1317.23	1324.37	1276.63	1263.47	1256.33	1243.17
VN30F2Q	1282.87	1280	1285.73	NO	1295.73	1302.87	1315.73	1322.87	1275.73	1262.87	1255.73	1242.87
VN30FIM	1280.47	1278.2	1282.73	NO	1295.43	1305.87	1320.83	1331.27	1270.03	1255.07	1244.63	1229.67
BCM	65.1	65.1	65.1	YES	65.4	65.7	66	66.3	64.8	64.5	64.2	63.9
ACB	27.75	27.65	27.85	NO	28.15	28.35	28.75	28.95	27.55	27.15	26.95	26.55
BID	53.3	53.45	53.15	NO	53.6	54.2	54.5	55.1	52.7	52.4	51.8	51.5
BVH	42.87	42.85	42.88	YES	43.08	43.27	43.48	43.67	42.68	42.47	42.28	42.07
CTG	35.08	35.03	35.14	NO	35.52	35.83	36.27	36.58	34.77	34.33	34.02	33.58
GVR	33.27	32.95	33.58	NO	34.68	35.47	36.88	37.67	32.48	31.07	30.28	28.87
GAS	80.53	80.45	80.62	NO	81.07	81.43	81.97	82.33	80.17	79.63	79.27	78.73
FPT	114.7	114.55	114.85	NO	115.8	116.6	117.7	118.5	113.9	112.8	112	110.9
HDB	23.93	23.8	24.07	NO	24.47	24.73	25.27	25.53	23.67	23.13	22.87	22.33
MBB	25.03	24.92	25.14	NO	25.47	25.68	26.12	26.33	24.82	24.38	24.17	23.73
HPG	30.4	30.33	30.47	NO	30.7	30.85	31.15	31.3	30.25	29.95	29.8	29.5
MSN	74.73	75.1	74.37	NO	75.47	76.93	77.67	79.13	73.27	72.53	71.07	70.33
MWG	48.45	48.35	48.55	NO	49.1	49.55	50.2	50.65	48	47.35	46.9	46.25
POW	11.4	11.38	11.43	NO	11.5	11.55	11.65	11.7	11.35	11.25	11.2	11.1
PLX	37.7	37.55	37.85	NO	38.3	38.6	39.2	39.5	37.4	36.8	36.5	35.9
SAB	56.9	56.9	56.9	YES	57.2	57.5	57.8	58.1	56.6	56.3	56	55.7
SSB	22.22	22.17	22.26	NO	22.43	22.57	22.78	22.92	22.08	21.87	21.73	21.52
SHB	11.48	11.48	11.49	YES	11.57	11.63	11.72	11.78	11.42	11.33	11.27	11.18
SSI	37.78	37.68	37.89	NO	38.42	38.83	39.47	39.88	37.37	36.73	36.32	35.68
TCB	45.55	45.35	45.75	NO	46.6	47.25	48.3	48.95	44.9	43.85	43.2	42.15
TPB	19.08	19.05	19.12	NO	19.27	19.38	19.57	19.68	18.97	18.78	18.67	18.48
STB	30.92	30.88	30.96	NO	31.08	31.17	31.33	31.42	30.83	30.67	30.58	30.42
VHM	42.7	42.68	42.72	YES	42.95	43.15	43.4	43.6	42.5	42.25	42.05	41.8
VCB	96.23	96.2	96.27	YES	96.67	97.03	97.47	97.83	95.87	95.43	95.07	94.63
VIB	24.2	24.13	24.27	NO	24.55	24.75	25.1	25.3	24	23.65	23.45	23.1
VJC	101.57	101.4	101.73	NO	102.93	103.97	105.33	106.37	100.53	99.17	98.13	96.77
VIC	46.95	46.9	47	NO	47.3	47.55	47.9	48.15	46.7	46.35	46.1	45.75
VPB	19.37	19.25	19.48	NO	19.83	20.07	20.53	20.77	19.13	18.67	18.43	17.97
VNM	67.63	67.6	67.67	YES	67.97	68.23	68.57	68.83	67.37	67.03	66.77	66.43
VRE	25.95	25.73	26.17	NO	26.9	27.4	28.35	28.85	25.45	24.5	24	23.05

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
VPB	37,172,800	14,385,800	258	3.7
HPX	16,269,100	3,869,030	421	3.62
ASM	10,903,900	4,432,000	246	6.67
AMV	6,961,800	1,150,610	605	7.89
<b>RDP</b>	<b>5,719,500</b>	<b>730,730</b>	<b>782.71</b>	<b>-6.99</b>
HCD	2,008,900	725,250	277	6.83
CMG	1,049,400	341,200	308	2.16
<b>DC4</b>	<b>657,000</b>	<b>223,610</b>	<b>293.82</b>	<b>6.79</b>
VPH	557,300	260,970	214	6.89
SAV	498,000	147,170	338	1.25
<b>VNE</b>	<b>438,500</b>	<b>210,740</b>	<b>208.08</b>	<b>0.16</b>
HMR	435,400	136,570	319	9.94
DHB	421,600	62,960	670	15
PIV	378,000	136,440	277	11.54
SBG	362,200	148,090	245	0.94
<b>DHM</b>	<b>339,200</b>	<b>66,140</b>	<b>512.85</b>	<b>4.81</b>
D2D	331,300	88,330	375	6.99
SJM	201,300	11,310	1,780	4.55
ACC	190,300	62,340	305	0.74
LDP	186,900	29,670	630	9.58
<b>TDT</b>	<b>129,100</b>	<b>49,430</b>	<b>261.18</b>	<b>1.43</b>
TV6	124,600	51,850	240	-7.25
L45	123,900	20,220	613	14.29
DRG	122,500	49,980	245	15.73
SVD	91,700	37,220	246	6.74
<b>KDM</b>	<b>86,800</b>	<b>25,900</b>	<b>335.14</b>	<b>1.05</b>
CHP	75,900	25,660	296	-0.17
HVX	72,500	17,680	410	1.38
LBE	71,800	7,760	925	0
DTG	53,200	21,850	243	0.77
NDX	51,900	17,760	292	0
HOM	51,400	25,530	201	0
BSH	45,000	10	450,000	0
PDV	43,900	17,860	246	0
CGV	42,300	9,440	448	-3.45
FUEMAVND	36,900	9,210	401	0.63
VE9	35,400	11,460	309	4.76
LHC	35,100	13,700	256	-0.21
C92	33,800	8,850	382	2.86
PHP	32,000	12,620	254	1.33

- Lưu ý: VPB, HAX, ASM...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
26-Mar	VPB	Mua	≤ 20	10% -20%	Sóng 5 giảm giá kết thúc, sóng tăng giá mới hình thành, phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều
26-Mar	ITC	Mua	≤ 13	10% -20%	Buy Kumo Break out
26-Mar	MSH	Mua	≤ 43.5	10% -20%	Giá chạm kênh hỗ trợ tăng giá trở lại/KQKD dự kiến tăng trưởng mạnh

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 03 CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Sóng đẩy tăng giá có thể xuất hiện với dòng tiền lan tỏa đồng đều giữa các nhóm cổ phiếu;
- Ngân hàng, các cổ phiếu có tính đầu cơ cao thanh khoản lớn, các cổ phiếu thanh khoản nhỏ và nhóm chứng khoán đều có sự trở lại của dòng tiền cho thấy sự tích cực trong ngắn hạn;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 25/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.015 VND/USD, tăng 12 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.165 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.770 VND/USD, không thay đổi so với phiên 22/03. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 33 đồng ở chiều mua vào và 53 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.490 VND/USD và 25.590 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 25/03, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng mạnh 0,12 – 0,50 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 0,32%; 1W 0,85%; 2W 1,70% và 1M 2,02%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 2W; giao dịch tại: ON 5,21%; 1W 5,30%; 2W 5,36%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm ở kỳ hạn 15Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,50%; 5Y 1,70%; 7Y 2,09%; 10Y 2,55%; 15Y 2,73%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 7.200 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất hạ xuống mức 1,69%. Như vậy, NHNN hút ròng 7.200 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 151.898,8 tỷ đồng.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

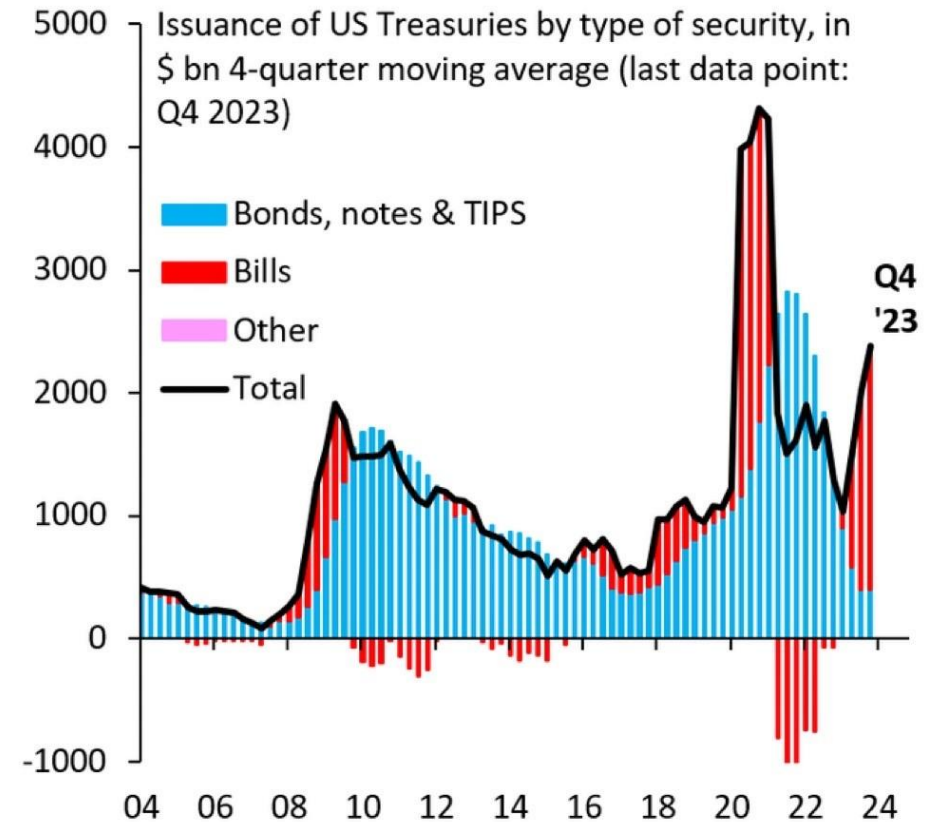


## Lãi suất trái phiếu từ âm chuyển sang dương

The Negative Bond Yield Matrix (May 31, 2020)															
Country	6-Mo	1-Year	2-Year	3-Year	4-Year	5-Year	6-Year	7-Year	8-Year	9-Year	10-Year	15-Year	20-Year	30-Year	50-Year
Switzerland	-0.50	-0.40	-0.71	-0.70	-0.66	-0.65	-0.65	-0.60	-0.57	-0.70	-0.49	-0.33	-0.32	-0.35	-0.38
Germany	-0.55	-0.59	-0.65	-0.66	-0.66	-0.64	-0.63	-0.55	-0.51	-0.51	-0.45	-0.23	-0.16	0.01	
Netherlands	-0.55		-0.62	-0.60	-0.58	-0.53	-0.47	-0.42	-0.37	-0.31	-0.25	-0.17	-0.01	0.05	
Denmark			-0.42								-0.25				
Austria		-0.53	-0.59	-0.53	-0.50	-0.41	-0.35	-0.32	-0.25	-0.18	-0.13	0.03	0.11	0.28	0.41
Finland			-0.57								-0.17				
Sweden			-0.29								-0.04				
France	-0.51	-0.53	-0.53	-0.54	-0.51	-0.44	-0.36	-0.25	-0.19	-0.12	-0.07	0.19	0.44	0.69	0.75
Belgium	-0.51	-0.51	-0.56	-0.52	-0.47	-0.38	-0.32	-0.18	-0.18	-0.08	-0.02	0.20	0.53		
Japan	-0.19	-0.17	-0.16	-0.17	-0.15	-0.13	-0.13	-0.11	-0.08	-0.03	0.00	0.23	0.35	0.49	
Ireland	-0.35	-0.37		-0.42	-0.35	-0.24	-0.16	-0.06			0.08	0.44	0.51	0.78	
Slovakia						-0.15	-0.12		0.12	0.11	0.29			0.93	1.03
Slovenia		-0.40	-0.30	-0.16				0.07	0.21		0.40	0.79	1.07		
United Kingdom	0.00		-0.05	-0.04	-0.05	-0.01	-0.03	0.02	0.05	0.18	0.18	0.37	0.51	0.58	0.40
Spain	-0.49	-0.39	-0.44	-0.36	-0.29	-0.17	0.05	0.24	0.30	0.41	0.56	0.87	1.06	1.33	
Portugal	-0.40	-0.34	-0.44	-0.31	-0.27	-0.01	0.08	0.26	0.33	0.41	0.50	0.75	0.94	1.30	
Bulgaria		-0.13				-0.10		0.38			0.85				
Czech Republic		-0.06	0.01	0.10	0.29	0.28	0.55	0.57	0.63	0.69	0.70	0.87	0.95		1.98
Cyprus		-0.21		0.35		0.57		1.01			1.22				
Malta	-0.03	0.03		0.04		0.20					0.62		1.28		
Italy	-0.03	0.01	0.40	0.56	0.81	1.02	1.15	1.20	1.40	1.46	1.48	1.92	2.10	2.41	2.57
United States	0.17	0.18	0.16	0.20		0.30		0.50			0.65			1.41	

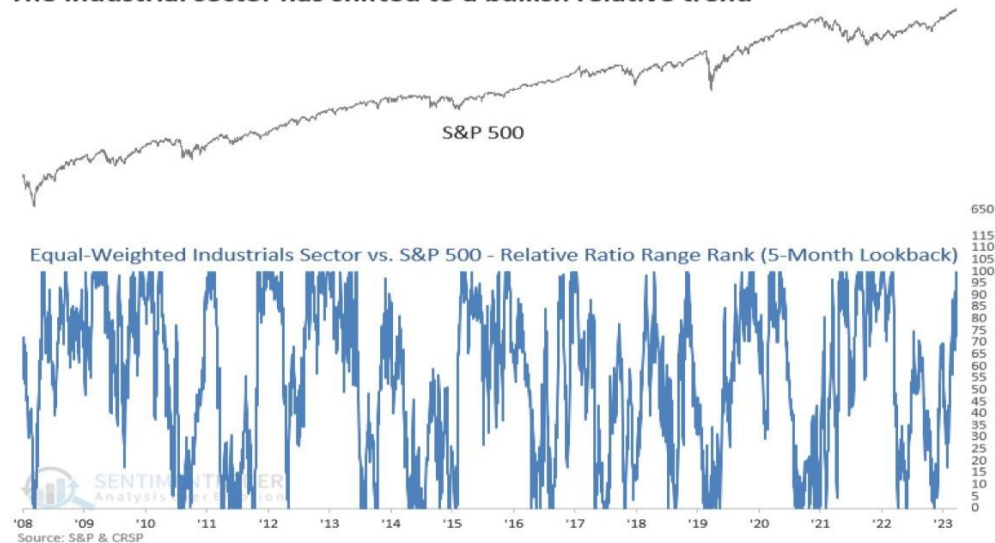
The Positive Bond Yield Matrix (Mar 25, 2024)															
Country	6-Mo	1-Year	2-Year	3-Year	4-Year	5-Year	6-Year	7-Year	8-Year	9-Year	10-Year	15-Year	20-Year	30-Year	50-Year
Japan	0.04	0.08	0.20	0.23	0.32	0.38	0.43	0.50	0.59	0.67	0.73	1.19	1.48	1.79	
Switzerland	1.37	1.27	0.94	0.85	0.78	0.71	0.66	0.62	0.66	0.63	0.63	0.65	0.64	0.65	
Sweden	3.83		2.64			2.33		2.34			2.38		2.55		
Portugal	3.75	3.48	2.72	2.55	2.53	2.63	2.81	2.65	2.73	2.82	3.03	3.26	3.36	3.45	
Ireland		3.36	2.78	2.67	2.58	2.59	2.60	2.59	2.52	2.67	2.79	2.89	2.96	3.03	
Germany	3.72	3.45	2.85	2.57	2.43	2.39	2.31	2.30	2.31	2.33	2.37	2.52	2.56	2.52	
Denmark	2.36		2.88	2.45		2.27			2.27		2.37		2.55	2.47	
Finland			2.91	2.79	2.75	2.70	2.69		2.75		2.85	3.05		2.93	
Cyprus			2.91	2.96	2.97			2.96			3.15		3.64	3.64	
Belgium	3.80		2.92	2.73	2.67	2.67	2.69	2.74	2.77	2.79	2.94	3.14	3.29	3.39	2.89
Austria	3.77	3.30	2.93	2.76	2.63	2.72	2.71	2.76	2.80	2.84	2.87	3.05	3.08	3.03	2.77
Netherlands	3.65		2.93	2.67	2.63	2.57	2.57	2.56	2.60	2.60	2.63	2.76	2.77	2.73	
France	3.79	3.49	2.96	2.76	2.69	2.70	2.67	2.69	2.72	2.78	2.85	3.06	3.22	3.32	2.83
Spain	3.73	3.47	3.03	2.92	2.85	2.87	2.89	2.94	3.02	3.11	3.20	3.54	3.66	3.85	
Slovenia		3.83		3.30	2.98	2.84		2.75	2.83		2.96	3.13	3.26		
Malta	2.84	4.68		3.05		3.10					3.38		3.76		
Bulgaria		3.19	3.33	3.59	3.33	3.58		4.15			4.30				
Slovakia			3.38			3.06	3.22		3.34	3.43	3.46			3.75	3.70
Italy	3.68	3.57	3.40	3.16	3.18	3.23	3.29	3.41	3.48	3.61	3.70	4.06	4.16	4.27	3.94
Czech Republic		4.35	3.71	3.68	3.66	3.74	3.73	3.77	3.76	3.89	3.86	4.01	3.99	4.15	
United Kingdom	5.21	4.55	4.20	4.00	4.01	3.91	3.85	3.89	3.90	3.97	4.03	4.35	4.52	4.54	4.12
United States	5.31	5.00	4.63	4.40		4.23		4.25			4.25		4.50	4.41	

## Bộ Tài Chính Mỹ chủ yếu phát hành nợ ngắn hạn trong giai đoạn qua



Nhóm ngành công nghiệp quay trở lại sóng tăng giá mới ?

The Industrial sector has shifted to a bullish relative trend



Block có mẫu hình vai đầu vai đảo chiều ở đáy trên đồ thị tuần ?



S&P 500 sẽ vận động tăng tới dài hạn tới năm 2027 theo chu kỳ ?

Điểm mua vàng xuất hiện ở cổ phiếu ngành năng lượng



Chart 1: S&P 500 secular bull market roadmap: Monthly chart 1928 to present

In April the SPX will enter the 11th year of its secular bull market signaled on the breakout to new highs in 2023. The current secular bull market from the 2013 breakout above the prior highs from 2000 and 2007 is middle-aged and can last until the late 2020s into the early 2030s.



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ đóng cửa tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

### CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

